

**CÁC BỘ****LIÊN BỘ**

**GIAO DỤC — THỂ DỤC THỂ THAO —  
TÀI CHÍNH — LAO ĐỘNG — THƯƠNG  
BINH VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ liên Bộ số 1-TT/LB  
ngày 10-1-1990 về một số chế  
độ đối với giáo viên, vận động  
viên, huấn luyện viên thể dục  
thể thao.**

Thực hiện Chỉ thị số 112-HĐBT ngày 9-5-1989 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác thể dục thể thao trong những năm trước mắt và sau khi có ý kiến của Bộ Đại học — Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề tại công văn số 373-TDĐT ngày 27-11-1989; Liên Bộ Giáo dục — Tổng cục Thể dục thể thao — Tài chính — Lao động — Thương binh và xã hội hướng dẫn chế độ bồi dưỡng và trang phục đối với giáo viên, vận động viên, huấn luyện viên thể dục thể thao như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG**

Đối tượng và phạm vi áp dụng thông tư này bao gồm:

1. Giáo viên chuyên trách và bán chuyên trách thể dục thể thao ở các trường phổ thông cơ sở, phổ thông trung học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.

2. Cán bộ phụ trách công tác thể dục thể thao ở trung ương, ở các Sở giáo dục, Ban, Phòng Thể dục thể thao quận, huyện, thị xã (nếu có giờ thực hành).

3. Giáo viên các trường chuyên nghiệp thể dục thể thao và các khoa đào tạo giáo viên thể dục thể thao, vận động viên, huấn luyện viên thể dục thể thao trong thời gian đủ tiêu chuẩn do Tổng cục Thể dục thể thao công nhận là huấn luyện viên; vận động viên cấp kiện tướng, cấp I và hạng A1; vận động viên các trường năng khiếu thể thao.

**II. CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG, TRANG PHỤC VÀ CÁCH TRẢ.**

Các đối tượng quy định tại mục I Thông tư này được hưởng chế độ bồi dưỡng, trang phục và cách tính trả như sau:

**1. Mức bồi dưỡng:**

a) Đối tượng tại điểm 1, 2, mục I : 250 đồng/tiết thực hành (tương đương 0,500 kilôgam gạo).

b) Đối tượng tại điểm 3, mục I :  
— Giáo viên các trường chuyên nghiệp thể dục thể thao và các khoa đào tạo giáo viên thể dục thể thao : 300 đồng/tiết thực hành (tương đương 0,600 kilôgam gạo).

— Huấn luyện viên, vận động viên cấp kiện tướng, cấp I và vận động viên hạng A1 : 350 đồng/giờ tập (tương đương 0,700 kilôgam gạo).

— Vận động viên các trường năng khiếu thể thao : 300 đồng/giờ tập (tương đương 0,600 kilôgam gạo).

Ngoài ra, huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian huấn luyện, tập trung để làm nhiệm vụ thi đấu trong nước và quốc tế còn được hưởng chế độ tiền ăn riêng do Tổng cục Thể dục thể thao và Bộ Tài chính quy định.

096.33.106

## 2. Chế độ trang phục :

a) Giáo viên chuyên trách, huấn luyện viên, vận động viên thể dục thể thao được cấp bằng hiện vật để lên lớp hoặc ra sân bãi như sau :

— Quần áo dệt kim dày, hàng nội : 2 bộ/năm

— Áo may ô ngắn tay, hàng nội : 2 cái/năm

— Giày ba-ta nội : 2 đôi/năm.

b) Giáo viên bán chuyên trách, cán bộ phụ trách công tác thể dục thể thao :

— Quần áo dệt kim dày, hàng nội : 1 bộ/năm

— Giày ba-ta nội : 1 đôi/năm.

## 3. Cách trả :

— Chế độ bồi dưỡng chỉ trả cho giờ thực hành, giờ huấn luyện và luyện tập theo mức và đối tượng quy định.

— Chế độ trang phục chỉ cấp cho đối tượng bảo đảm số giờ định mức lao động theo quy định của Bộ Giáo dục, Bộ Đại học-Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề, Tổng cục Thể dục thể thao (ở các văn bản riêng của từng ngành).

## III. NGUỒN KINH PHÍ ĐÀI THỌ, CÁCH LẬP DỰ TOÁN VÀ THANH QUYẾT TOÁN.

### 1. Nguồn kinh phí, lập dự toán :

Các cơ quan hành chính sự nghiệp như các trường phổ thông, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các Sở, Ban, Phòng

thể dục thể thao (hoặc Ban, Phòng y tế—thể dục thể thao quận, huyện, thị xã) có các đối tượng được hưởng các khoản phụ cấp nói ở trên, hàng năm phải lập dự toán và danh sách các đối tượng được hưởng gửi cơ quan tài chính đồng cấp xét duyệt. Nguồn kinh phí chi cho các đối tượng này thuộc ngân sách cấp nào quản lý thì ngân sách cấp đó đài thọ.

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, các đơn vị sự nghiệp hạch toán kinh tế độc lập thì các khoản chi cho các đối tượng được hưởng các khoản phụ cấp nói trên hạch toán vào giá thành và phí lưu thông.

### 2. Cách thanh toán và hạch toán các khoản phụ cấp, bồi dưỡng :

Những người đạt danh hiệu cấp bậc huấn luyện viên, vận động viên là cán bộ, công nhân viên và xã viên hợp tác xã, tập đoàn sản xuất... ở địa phương nào, ở ngành nào thì địa phương đó, ngành đó trả.

Khoản chi về phụ cấp, bồi dưỡng hàng tháng cho giáo viên, cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên thể dục thể thao cũng được trả ngay trong tháng cùng với ngày lĩnh lương đầu tháng, ghi vào mục 65 (phụ cấp lương).

## IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-1-1990, các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện nếu có gì

vướng mắc, các ngành, các địa phương phản ánh cho liên Bộ biết để nghiên cứu giải quyết.

P. Tổng cục trưởng Tổng cục thể dục thể thao	K.T. Bộ trưởng Bộ Giáo dục Thủ trưởng NGUYỄN KỶ
MAI VĂN MUỘN	
K.T. Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và xã hội Thủ trưởng TRẦN HIẾU	K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính Thủ trưởng LÝ TÀI LUẬN

### BỘ TÀI CHÍNH

**QUYẾT ĐỊNH số 222-TC/CTN ngày 29-12-1989 ban hành Quy định chi tiết biểu thuế xuất nhập khẩu hàng mậu dịch.**

### QUY ĐỊNH CHI TIẾT

#### Biểu thuế xuất khẩu hàng mậu dịch

(ban hành kèm theo Quyết định số 222-TC/CTN ngày 29-12-1989 của Bộ Tài chính)

Số thứ tự	TÊN NHÓM HÀNG, MẶT HÀNG	Thuế suất (%)	
		Phổ thông	Tối thiểu
1	Các loại than đá	4	2
2	Dầu thô	4	2
3	Quặng và tinh quặng kim loại	4	2
4	Khoáng sản không phải quặng	4	2
5	Phế liệu kim loại đen	35	25
6	Phế liệu kim loại màu	45	35
7	Cao su nguyên liệu	4	2
8	Da sơ chế	4	2
9	Trầm hương, kỳ nam	15	10
10	Gạo	5	3
11	Ngô, tấm các loại, gạo vàng	3	0
12	Đào lộn hột, cà phê, chè, hạt tiêu	3	0
13	Thủy sản và sản phẩm chế biến từ thủy sản	4	2
	Riêng : — Các loại tôm	7	5
	— Các loại mực	5	3
	— Sản phẩm chế biến từ thủy sản : chả, giò, nem, chạo, cá nướng, vè mực nướng, mai mực nang, da cá, bột tôm cá, các loại mực nhồi, nghêu, sò, ốc	0	0

### BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị quyết số 186b-HĐNN8 ngày 29-8-1989 của Hội đồng Nhà nước sửa đổi biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch ;

Căn cứ Quyết định số 223-HĐBT ngày 28-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 186b-HĐNN8 ngày 29-8-1989 của Hội đồng Nhà nước,

### QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Ban hành kèm theo Quyết định này biểu quy định chi tiết biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu hàng mậu dịch ban hành kèm theo Nghị quyết số 186b-HĐNN8 ngày 29-8-1989 của Hội đồng Nhà nước.

Điều 2. — Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1990.

Bộ trưởng Bộ Tài chính  
HOÀNG QUY